UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ

Số: 09 /QĐ-HĐQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Đầu tư trực tiếp và Góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Đầu tư Công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày18/6/2014;

Căn cứ Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 21/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc tổ chức lại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, Quỹ Phát triển đất thành phố Hà Nội, Quỹ Bảo vệ môi trường Hà Nội trực thuộc Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Thành phố trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ vào Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 1660/SNV-TCBC ngày 31/7/2018 của Sở Nội vụ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 874/TTr-QĐTPT ngày 13/9/2018 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Đầu tư trực tiếp và Góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 28/QĐ-HĐQL ngày 18/01/2010 của Hội đồng quản lý về việc ban hành Quy chế Đầu tư của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, các Phòng thuộc Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Chung

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP VÀ GÓP VỐN THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-HĐQL ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về hoạt động Đầu tư trực tiếp và Góp vốn thành lập doanh nghiệp của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Quỹ Đầu tư) bằng nguồn vốn hoạt động của Quỹ Đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Quỹ Đầu tư, các cơ quan và tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Vốn hoạt động* là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ Đầu tư tại một thời điểm.

2. *Đầu tư trực tiếp vào các dự án* là việc Quỹ Đầu tư sử dụng vốn hoạt động để đầu tư vào các dự án theo quy định. Trong đó, Quỹ Đầu tư có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. *Góp vốn thành lập doanh nghiệp* là việc Quỹ Đầu tư góp vốn với các nhà đầu tư khác để thành lập các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhằm thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

4. *Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội* là dự án đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố được UBND Thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

5. *Hoạt động đầu tư* là hoạt động của nhà đầu tư trong quá trình đầu tư bao gồm chuẩn bị đầu tư, thực hiện và quản lý dự án đầu tư.

Điều 3. Nguồn vốn đầu tư

Quỹ Đầu tư sử dụng vốn hoạt động của mình gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động để đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp.

Điều 4. Kế hoạch vốn đầu tư

Hàng năm, Quỹ Đầu tư xây dựng kế hoạch sử dụng vốn đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp cùng với kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính của Quỹ Đầu tư báo cáo Hội đồng quản lý (sau đây viết tắt là HĐQL) trình UBND Thành phố phê duyệt.

Điều 5. Đối tượng đầu tư

Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của Thành phố được UBND Thành phố ban hành hàng năm hoặc trong từng thời kỳ theo quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP. Căn cứ vào danh mục UBND Thành phố ban hành, Quỹ Đầu tư lựa chọn, thẩm định và quyết định đầu tư vào các dự án đáp ứng các điều kiện đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Điều kiện đầu tư

Các dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

2. Dự án đầu tư đã được quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

Điều 7. Phương thức đầu tư

1. Quỹ Đầu tư có thể thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của UBND Thành phố Hà Nội.

2. Quỹ Đầu tư có thể trực tiếp quản lý dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

Điều 8. Hình thức đầu tư

1. Tuỳ từng điều kiện cụ thể, Quỹ Đầu tư lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây:

a) Đầu tư theo các hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các hình thức đầu tư trực tiếp khác theo quy định của pháp luật.

b) Tìm kiếm dự án, thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư sau đó thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng lại dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư.

2. Việc đầu tư của Quỹ Đầu tư được thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 9. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án

1. Giới hạn đầu tư trực tiếp vào các dự án tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại thời điểm thực hiện.

2. Trường hợp Quỹ Đầu tư thực hiện đồng thời đầu tư trực tiếp và cho vay đối với một dự án thì tổng giới hạn đầu tư trực tiếp và cho vay không được vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại thời điểm thực hiện.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư trực tiếp khác với quy định của Quy chế này thì thực hiện theo các quy định tại thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Đối với các dự án sử dụng vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư:

a) Mức vốn đầu tư đối với một dự án nhỏ hơn hoặc bằng 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định do Tổng Giám đốc quyết định;

b) Mức vốn đầu tư đối với một dự án lớn hơn 5% đến nhỏ hơn hoặc bằng 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định do HĐQL quyết định;

c) Mức vốn đầu tư đối với một dự án lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm quyết định do UBND Thành phố quyết định.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn khác thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 11. Xây dựng, thẩm định phương án đầu tư trực tiếp

1. Quỹ Đầu tư tổ chức thu thập thông tin, đánh giá, phân tích, lựa chọn phương án đầu tư trên cơ sở đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc, điều kiện đầu tư và khả năng tài chính của Quỹ Đầu tư, gồm các nội dung cơ bản sau:

- Phân tích, lựa chọn, đánh giá dự án đầu tư.

- Phân tích, lựa chọn, đánh giá đối tác tham gia góp vốn (nếu có).

2. Việc lập, thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư được thực hiện theo các quy định về quản lý đầu tư.

Điều 12. Trình tự, thủ tục triển khai thực hiện dự án đầu tư

Trình tự thực hiện dự án đầu tư theo đúng các quy định pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

1. Đối với dự án Quỹ Đầu tư làm chủ đầu tư:

a) Quỹ Đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý thực hiện dự án theo các quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

b) Tổ chức chuyên môn quản lý dự án phải đảm bảo đủ điều kiện năng lực theo quy định.

2. Đối với dự án Quỹ Đầu tư hợp tác đầu tư:

a) Quỹ Đầu tư thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký kết với doanh nghiệp hợp tác đầu tư. Việc cử đại diện vào đơn vị quản lý dự án do Tổng Giám đốc quyết định phù hợp với các quy định hiện hành.

b) Tiến hành việc góp vốn đầu tư theo tiến độ của dự án.

c) Theo dõi và báo cáo tiến độ thực hiện dự án.

Điều 13. Giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư

1. Giám sát đầu tư gồm các nội dung sau:

- Việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

- Tình hình trình thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án, quyết định đầu tư dự án.

- Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và việc xử lý theo thẩm quyền; đề xuất phương án xử lý vấn đề vượt quá thẩm quyền.

- Việc quản lý thực hiện dự án: Lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch.

- Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án.

- Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: Việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý.

- Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu.

- Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền; đề xuất phương án xử lý vấn đề vượt quá thẩm quyền.

- Việc quản lý, khai thác, vận hành dự án.

- Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình khai thác, vận hành dự án và việc xử lý theo thẩm quyền; đề xuất phương án xử lý vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp:

- Quá trình thực hiện dự án: hoạt động quản lý thực hiện dự án; kết quả thực hiện các mục tiêu của dự án; các nguồn lực đã huy động; các lợi ích do dự án mang lại cho những đối tượng thụ hưởng; các tác động, tính bền vững của dự án;

- Bài học rút ra sau quá trình thực hiện dự án và đề xuất các khuyến nghị cần thiết; trách nhiệm của các tổ chức tư vấn, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư, người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các nội dung khác về giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đầu tư bổ sung vào dự án

1. Nguyên tắc tăng vốn đầu tư bổ sung vào các dự án.

a) Khi có sự thay đổi (điều chỉnh quy mô đầu tư, biến động giá...) dẫn đến tăng tổng mức đầu tư dự án so với tổng mức ban đầu đã được phê duyệt.

b) Cấp nào quyết định đầu tư dự án thì quyết định việc đầu tư bổ sung theo thẩm quyền. Trường hợp tổng vốn đầu tư sau khi bổ sung làm thay đổi thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Điều 10 của Quy chế này thì cấp quyết định đầu tư bổ sung là cấp quyết định đầu tư theo mức vốn sau khi bổ sung.

2. Trình tự thực hiện đầu tư bổ sung vào dự án.

- Quỹ Đầu tư đánh giá tình hình thực hiện dự án, sự cần thiết phải đầu tư bổ sung vào dự án;

- Lập, thẩm định báo cáo phương án đầu tư bổ sung, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng;

- Tiến hành đầu tư bổ sung và theo dõi, kiểm tra, đánh giá theo quy định.

Điều 15. Chuyển nhượng vốn đầu tư

1. Nguyên tắc chuyển nhượng vốn đầu tư.

a) Cấp nào quyết định đầu tư thì cấp đó quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

b) Việc chuyển nhượng vốn đầu tư phải đảm bảo công khai, minh bạch, có hiệu quả, hạn chế tối đa tổn thất vốn.

c) Dự án mà Quỹ Đầu tư quyết định đầu tư không còn phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ Đầu tư.

d) Việc chuyển nhượng dự án đầu tư phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, loại hình dự án, giai đoạn thực hiện...

2. Trình tự thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư.

Bước 1: Quỹ Đầu tư đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư, xây dựng phương án chuyển nhượng vốn đầu tư.

Bước 2: Trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển nhượng vốn đầu tư.

Bước 3: Đàm phán và ký kết hợp đồng chuyển nhượng,

Bước 4: Triển khai thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư theo quy định tại hợp đồng đã ký kết và theo quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm chuyển nhượng.

Bước 5: Đối chiếu công nợ, thu vốn và lãi đầu tư về cho Quỹ Đầu tư.

Điều 16. Trích lập và xử lý khoản dự phòng rủi ro đầu tư

Quỹ Đầu tư thực hiện trích lập và xử lý khoản dự phòng rủi ro đầu tư trực tiếp theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý rủi ro

Cấp nào quyết định đầu tư trực tiếp thì quyết định xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 18 : Quyết toán vốn đầu tư

1. Chi phí đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán được

duyệt; hợp đồng đã ký kết (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư cho từng dự án theo quy định của pháp luật về thanh quyết toán vốn đầu tư.

Điều 19. Hạch toán kết quả hoạt động đầu tư

Việc hạch toán kết quả hoạt động đầu tư thực hiện theo cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 20. Hình thức góp vốn

Quỹ Đầu tư được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được UBND Thành phố ban hành.

Trường hợp Quỹ Đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp dự án theo quy định của pháp luật để quản lý và thực hiện duy nhất một dự án đầu tư thì khoản vốn góp thành lập doanh nghiệp được tính gộp vào tổng số vốn đầu tư trực tiếp và phải tuân thủ quy định về lĩnh vực và giới hạn đầu tư trực tiếp tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP và quy chế này.

Trường hợp góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế khác do UBND Thành phố quy định.

Điều 21. Điều kiện góp vốn

Việc góp vốn thành lập doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện:

1. Khi dự án đầu tư yêu cầu gắn với việc thành lập doanh nghiệp để quản lý thực hiện.

2. Dự án đầu tư phải có hiệu quả; có khả năng thu hồi vốn trực tiếp và được thực hiện đúng trình tự đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp với Quỹ Đầu tư phải có tình hình tài chính lành mạnh và khả năng nguồn vốn đáp ứng để triển khai dự án đúng tiến độ.

Điều 22. Giới hạn góp vốn

Giới hạn đầu tư góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ Đầu tư tại thời điểm thực hiện.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định góp vốn

1. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp nhỏ hơn hoặc bằng 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện do Tổng Giám đốc quyết định.

2. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp lớn hơn 5% đến nhỏ hơn hoặc bằng 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện do HĐQL quyết định.

3. Mức vốn góp đối với một doanh nghiệp lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện do UBND Thành phố quyết định.

Điều 24. Xây dựng, thẩm định phương án góp vốn

1. Quỹ Đầu tư nghiên cứu, lựa chọn hình thức góp vốn, phương án góp vốn, đối tác tham gia góp vốn, lĩnh vực dự án đầu tư... đảm bảo tính hiệu quả, khả thi, an toàn vốn và phù hợp với điều kiện tài chính của Quỹ Đầu tư.

2. Việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt phương án góp vốn được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý tài chính tại Quỹ Đầu tư và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 25. Trình tự, thủ tục triển khai góp vốn thành lập doanh nghiệp

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

1. Quỹ Đầu tư phối hợp với với các đối tác đầu tư hoàn thiện các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp.

2. Quỹ Đầu tư thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua đại diện của Quỹ Đầu tư tại các doanh nghiệp mà Quỹ Đầu tư góp vốn thành lập theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp.

3. Tiến hành việc góp vốn đầu tư thành lập doanh nghiệp theo tiến độ.

4. Theo dõi và thực hiện báo cáo tiến độ thực hiện dự án.

5. Tiến hành khai thác, thu hồi vốn và lãi đầu tư theo quyền lợi và trách nhiệm của Quỹ Đầu tư trong hợp đồng đã ký kết.

Điều 26. Góp vốn bổ sung vào dự án

1. Đại diện của Quỹ Đầu tư báo cáo tình hình thực hiện dự án, đánh giá sự cần thiết phải đầu tư bổ sung vào dự án cho Quỹ Đầu tư.

2. Căn cứ hợp đồng, thỏa thuận góp vốn, tiến hành làm việc với đối tác về tỷ lệ góp vốn bổ sung để thực hiện dự án.

3. Thẩm định phương án góp vốn bổ sung vào dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định.

4. Tiến hành góp vốn bổ sung và theo dõi, kiểm tra, đánh giá khoản đầu tư bổ sung.

5. Cấp nào quyết định góp vốn thì quyết định việc góp vốn bổ sung theo thẩm quyền. Trường hợp tổng vốn góp sau khi bổ sung làm thay đổi thẩm quyền quyết định góp vốn theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này thì cấp quyết định góp vốn bổ sung là cấp quyết định góp vốn theo mức vốn sau khi bổ sung.

Điều 27. Chuyển nhượng, thay đổi phần vốn góp, thu hồi phần vốn góp và lợi tức

1. Quỹ Đầu tư có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào doanh nghiệp và các quyền có được từ phần vốn đã góp để thu hồi vốn. Việc chuyển nhượng vốn góp được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp; Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp; Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ Đầu tư góp vốn và theo quy định hiện hành. Giá chuyển nhượng đảm bảo nguyên tắc giá thị trường, công khai, minh bạch tại thời điểm chuyển nhượng.

2. Cấp nào quyết định góp vốn thì quyết định chủ trương việc chuyển nhượng, tăng, giảm hoặc thu hồi phần vốn góp của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn.

3. Người đại diện phần vốn góp của Quỹ Đầu tư có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp mà Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn chuyển lợi nhuận được chia vào tài khoản của Quỹ Đầu tư tại ngân hàng do Quỹ Đầu tư chỉ định.

4. Việc báo cáo, hạch toán các khoản lợi nhuận được chia từ doanh nghiệp Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn được thực hiện theo Quy chế tài chính của Quỹ Đầu tư và các quy định hiện hành.

Điều 28. Quản lý phần vốn góp của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp

Việc cử đại diện phần vốn góp của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp được thực hiện phù hợp với quy mô vốn góp của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp đó, cụ thể:

1. Đối với doanh nghiệp Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn với tỷ lệ chi phối hoặc góp vốn với mức vốn lớn hơn 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện Chủ tịch HĐQL quyết định cử Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc cấp tương đương làm đại diện chủ sở hữu phần vốn của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn trên cơ sở tờ trình của Tổng Giám đốc sau khi có chấp thuận của UBND Thành phố.

2. Đối với doanh nghiệp Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn với mức vốn nhỏ hơn hoặc bằng 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm thực hiện, Tổng Giám đốc quyết định cử các chức danh khác làm đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp đó sau khi có chấp thuận của HĐQL.

3. Người có thẩm quyền quyết định cử người tham gia đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp, người được cử tham gia đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp.

4. Thời hạn cử người đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp mà Quỹ Đầu tư góp vốn được xác định không quá nhiệm kỳ của hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp đó. Số lượng người được cử làm đại diện thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp mà Quỹ Đầu tư góp vốn.

Điều 29. Tiêu chuẩn, quyền, nghĩa vụ, quy trình cử người đại diện chủ sở hữu phần vốn của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp Quỹ Đầu tư tham gia góp vốn

1. Quyền, nghĩa vụ, quyền lợi, tiêu chuẩn người đại diện chủ sở hữu phần vốn góp của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định áp dụng đối với Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu và các quy định khác có liên quan.

2. Quy trình cử người đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Quỹ Đầu tư tại doanh nghiệp khác được vận dụng thực hiện như qui trình bổ nhiệm đối với các

chức danh cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước theo quy định hiện hành của Thành phố.

Điều 30. Lưu trữ hồ sơ

Việc tổ chức lưu trữ hồ sơ các dự án đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định về quản lý và lưu trữ hồ sơ theo các quy định hiện hành.

Điều 31. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm)

Các bộ phận quản lý dự án đầu tư trực thuộc Quỹ Đầu tư có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động và triển khai đầu tư của các dự án đầu tư trực tiếp để Quỹ Đầu tư nắm bắt kịp thời và có biện pháp giải quyết phù hợp.

Người đại diện phần vốn góp của Quỹ Đầu tư tại các doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản theo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp mà Quỹ Đầu tư góp vốn thành lập.

2. Tổng Giám đốc có quy định cụ thể về thông tin và trách nhiệm báo cáo để phục vụ cho công tác chỉ đạo và nắm bắt kịp thời về đầu tư và quản lý dự án đầu tư của Quỹ Đầu tư.

3. Quỹ Đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý, năm về đầu tư dự án, giám sát, đánh giá đầu tư, tài chính, chất lượng công trình... theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm của HĐQL

1. Xem xét và thông qua kế hoạch đầu tư hàng năm trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. Xem xét, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

3. Trình UBND Thành phố quyết định điều chỉnh phân cấp giữa HĐQL và Tổng Giám đốc trong việc quyết định đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

4. Quyết định đầu tư trực tiếp, góp vốn thành lập doanh nghiệp, quyết định cử người đại diện phần vốn góp tại doanh nghiệp được Quỹ Đầu tư góp vốn trong phạm vi thẩm quyền.

5. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư.

Điều 33. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

1. Xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm báo cáo HĐQL thông qua trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. Điều hành và quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ Đầu tư theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư, theo chủ trương, định hướng hoạt động được HĐQL thông qua và các quy định tại Quy chế này.

3. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư theo quy định.

4. Trình HĐQL hoặc quyết định cử người đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư tại các doanh nghiệp Quỹ Đầu tư góp vốn theo quy định.

5. Quyết định thành lập các bộ máy quản lý hoạt động đầu tư phù hợp với loại hình và phương thức đầu tư quy định của pháp luật.

6. Ban hành các quyết định, quy trình, quy định khác liên quan đến hoạt động đầu tư của Quỹ Đầu tư theo thẩm quyền.

7. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các quy định liên quan đến đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp không được nêu trong Quy chế này, được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và ban hành các quy định, quy trình (nếu có) để thi hành Quy chế này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Chung